

ĐẶC ĐIỂM DỊCH TỄ HỌC BỆNH UNG THƯ TẠI THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2005-2009

PHẠM HỮU TRÍ - Bệnh viện Trung ương Huế

TÓM TẮT

Hiện nay ung thư trở thành một gánh nặng của hầu hết các quốc gia trên thế giới, tại Thừa Thiên Huế (TTH) tỷ lệ mắc ung thư không ngừng gia tăng hàng năm. Ghi nhận ung thư (GNU) dựa vào quần thể giai đoạn 2005-2009 cho thấy tình hình ung thư mắc ung thư tại Thừa Thiên Huế cũng như góp phần đánh giá gánh nặng ung thư trên toàn quốc. Từ năm 2005-2009 ước tính tại Thừa Thiên Huế có khoảng 4.650 ca ung thư mắc mới trong đó nam có 2.552 ca và nữ có 2.012 ca. Tỷ lệ mắc thô ở nam giới là 86,4/100.000 dân, mắc chuẩn theo tuổi là 122,6/100.000 dân. Tỷ lệ mắc thô ở nữ giới là 70,9/100.000 dân, tỷ lệ mắc chuẩn theo tuổi là 77,4/100.000 dân. Tỷ lệ mắc ung thư ở thành thị cao hơn nông thôn, đồng bằng cao hơn miền núi. Tỷ lệ ung thư tăng dần theo tuổi ở cả hai giới và nam tăng hơn nữ, bắt đầu tăng cao ở độ tuổi 40-44. Các loại ung thư thường gặp ở nam giới là: ung thư gan (CR: 14,6; ARS: 22,2), dạ dày (CR: 12,8; ARS:18,1), phế quản phổi (CR:10,5; ARS:15,5). Các loại ung thư thường gặp ở nữ giới là: vú (CR:13,0; ARS:15,4), da dày (CR:7,0; ARS:7,2), phế quản phổi (CR:5,5; ARS:6,0), cổ tử cung (CR:4,4; ARS:5,3).

Từ khóa: ung thư, Thừa Thiên Huế.

SUMMARY

Nowadays, cancer become overload on the world, The cancer rates raise year by year in Thua Thien Hue province. Recording population based cancer in Thua Thien Hue of period 2005-2009 shows cancer situation and contributes to estimate the overload in the country.

In 2005-2009, Thua Thien Hue, there are about 4.650 new cancers, male 2.552 and female 2.012. The crude rate is 86,4 and the age standardised rate is 122,6 in males in males, in females is 70,9 and 77,4 respectively. The cancer rate in the urban areas is higher than the rural and in the deltaic areas higher than in the mountain. The cancer diseases has increased after 40 year old. The leading cancer in males is liver, stomach, lung in females is breast, stomach, lung, cervix.

Keywords: cancer, Thua Thien Hue.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo số liệu thống kê của Hội Phòng Chống Ung thư Việt Nam hiện nay, ước tính mỗi năm ở nước ta có khoảng 120.000 bệnh nhân ung thư mới và trên 50.000 người chết vì ung thư, con số này có xu hướng ngày càng gia tăng. Thừa Thiên-Huế là một tỉnh trung tâm của khu vực miền Trung Việt Nam, bên cạnh những đặc điểm mô hình bệnh tật chung của một nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, Thừa Thiên-Huế (TTH) còn là một trong những vùng chịu hậu quả chất độc da cam/dioxin nặng nề nhất, để lại gánh nặng bệnh tật và tổn hại sức khỏe trầm trọng trong nhân dân. Xác định tình hình mắc ung thư ung thư là việc làm cần thiết để đánh giá gánh nặng ung thư trong cộng đồng, làm cơ sở cho việc xây dựng một chương trình phòng chống ung thư có hiệu quả cao và cũng là phương tiện để giám sát, đánh giá hiệu quả của chương trình phòng chống ung thư và các can thiệp khác vào cộng đồng.

Việc xác định tỷ lệ ung thư chỉ có thể thu thập được từ những ghi nhận ung thư (GNUT) dựa vào quần thể. Đơn vị GNUT của bệnh viện Trung ương Huế được thành lập từ năm 2001, từ đó đã xác định được sự phân bố, xu hướng và gánh nặng của ung thư của tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong nghiên cứu này chúng tôi sẽ trình bày kết quả GNUT của giai đoạn 2005-2009.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu:

Tất cả các bệnh nhân có địa chỉ thường trú trên địa bàn Thừa Thiên-Huế, lần đầu tiên được chẩn đoán là u ác tính trong khoảng thời gian từ 1/1/2005 đến 31/12/2009 tại Bệnh viện TW Huế, 9 Bệnh viện huyện và thành phố thuộc tỉnh Thừa Thiên-Huế, Bệnh viện Trường đại học Y khoa Huế và Bệnh viện Quân y 268 và 3 bệnh viện tư nhân trên địa bàn tỉnh.

Nguồn số liệu thu thập: Hồ sơ bệnh án, danh sách bệnh nhân tại các phòng khám, sổ ghi kết quả giải phẫu bệnh, huyết học, nội soi, siêu âm, sổ theo dõi tử vong.

Phân tích và xử lý số liệu: bằng phần mềm CANREG4, Epi Info 6.0

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Số ca mới mắc ung thư tại TTH theo năm

Bảng 1. Số ca mắc mới ung thư ghi nhận tại TTH hàng năm theo giới

	2005	2006	2007	2008	2009	Cộng	%
Nam	485	302	271	744	750	2.552	54,83
Nữ	450	312	203	573	564	2.102	45,17
Cộng	935	614	474	1.317	1.314	4.654	100,00

Tỷ lệ mới mắc ung thư tăng dần theo tuổi và bắt đầu tăng cao từ độ tuổi 40-44 ở cả hai giới, nam tăng cao hơn nữ. Trước độ tuổi này tỷ lệ mắc ung thư giữa hai giới không có khác biệt.

Bảng 2. Tỷ lệ mắc ung thư theo nhóm tuổi của người >40 tuổi ở TTH và các tỉnh thành (trên 100.000 dân)

		40-44	45-49	50-54	55-59	60-64	65-69	70-74
TTH	Nam	118	162	255	400	538	485	625
	Nữ	90	154	210	229	210	259	345
TP .HCM	Nam	71	127	206	329	423	602	959
	Nữ	98	163	222	281	329	385	499
Các tỉnh thành	Nam	53,8	101,0	176,0	309,8	363,2	496,6	559,6
	Nữ	50,2	100,2	158,2	258,2	273,4	307,2	300,6

So với tỷ lệ mới mắc ung thư tại các tỉnh thành khác ở Việt Nam thì tỷ lệ mới mắc ung thư tại Thừa Thiên Huế của từng nhóm tuổi cao hơn không đáng kể, nhưng sau 65 tuổi thì thấp hơn nhiều so với Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3. Phân bố ung thư theo địa dư

	2005	2006	2007	2008	2009	Cộng	%
Phong Điền	78	47	39	116	105	385	8,27
Quảng Điền	70	42	40	96	111	359	7,71
Hương Trà	84	74	44	123	120	445	9,56
Phú Vàng	130	94	60	190	237	711	15,28
TP Huế	361	243	179	470	417	1.670	35,88
Hương Thủy	82	42	40	94	114	372	7,99
Phú Lộc	88	57	52	168	168	533	11,45
Nam Đông	12	4	7	24	13	60	1,29
A Lưới	30	11	13	36	29	119	2,56
Cộng	935	614	474	1.317	1.314	4.654	100,00

Bảng 4. Tỷ lệ mắc ung thư theo địa dư (số ca mắc/100.000 dân)

	D.số	Số ca /năm	Tỷ lệ
Tp Huế	335.575	334	99,5
P. điền	88.09	77	87,4
Q. điền	82.811	72	86,9
H. trà	115.033	89	77,4
P. vàng	170.38	142	83,3
H. thủy	96.122	74	77,0
P. lộc	134.322	107	79,7
N. đông	22.566	12	53,2
A. lối	42.521	24	56,4

Bảng trên cho thấy tỷ lệ mắc ung thư tại TTH tại thành thị cao hơn ở các vùng nông thôn. Tỷ lệ mắc ung thư ở các huyện đồng bằng cũng cao hơn miền núi.

Bảng 5. Mười loại ung thư phổ biến ở nam giới tại TTH 2005-2008

Vị trí	Số ca	Tỷ lệ mắc thô (CR)	Tỷ lệ mắc chuẩn (ASR)
Gan	430	14.6	22.2
Dạ dày	378	12.8	18.1
Phế quản phổi	309	10.5	15.5
Non-Hodgkin Lymphoma	152	5.1	6.5
Khoang miệng	124	4.2	5.9
Leukaemia	115	3.9	5.2
Đại tràng	101	3.4	5.0
Thực quản	97	3.3	4.9
Phân mêm	74	2.5	3.5
Bàng quang	70	2.4	3.5
Mọi ung thư	2.552	86.4	122.6

Trong nghiên cứu của chúng tôi, các loại ung thư thường gặp nhất ở nam giới là dạ dày, gan và phế quản phổi, so với ghi nhận giai đoạn 2001-2004 tại TTH thì ung thư gan đã thay đổi vị trí dẫn đầu của ung thư dạ dày, ung thư bàng quang tụt xuống vị trí cuối cùng, tương tự GNUT tại thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ, ung thư gan chiếm vị trí đầu tiên (giai đoạn 2004-2008). Ung thư tiền liệt tuyến là loại ung thư phổ biến tại Hà Nội, Cần Thơ và TP Hồ Chí Minh (giai đoạn 2004-2008) nhưng ít phổ biến tại TTH.

Tỷ lệ mắc chuẩn theo tuổi của nam giới trong ghi nhận chúng tôi có tỷ lệ khá cao tương đương với TP Hồ Chí Minh (132,7), Hải Phòng (136,7), Thái Nguyên (101,5); thấp hơn ở Hà Nội (179) và Cần Thơ (145,5) và cao hơn so với giai đoạn 2001-2004 tại TTH (92,5)

Bảng 6. Mười loại ung thư phổ biến ở nữ giới tại TTH 2005-2009

Vị trí	Số ca	Tỷ lệ mắc thô (CR)	Tỷ lệ mắc chuẩn (ASR)
Vú	386	13.0	15.4
Dạ dày	208	7.0	7.2
Phế quản phổi	163	5.5	6.0
Cổ tử cung	129	4.4	5.3
Gan	121	4.1	4.5
Khoang miệng	107	3.6	3.9
Buồng trứng	87	2.9	3.2
Non-Hodgkin Lymphoma	75	2.5	2.7
Trực tràng	71	2.4	2.6
Đại tràng	70	2.4	2.6
Mọi ung thư	2.102	70,9	77,4

Tương tự các GNUT tại các tỉnh thành ung thư vú luôn chiếm vị trí hàng đầu, giống với GNUT ở các tỉnh phía Bắc các loại ung thư dạ dày, phế quản phổi, cổ tử cung và buồng trứng là các ung thư chiếm vị trí hàng đầu. Khác với GNUT (giai đoạn 2001-2004) tại TTH và các GNUT ở các tỉnh thành trong cả nước (giai đoạn 2004-2008), ghi nhận của chúng tôi tại TTH giai đoạn 2005-2009, ung thư tuyến giáp đã giảm không có mặt trong 10 loại ung thư phổ biến ở phụ nữ.

Tỷ lệ mắc ung thư chuẩn theo tuổi ở nữ giới tương tự Hải Phòng (ASR=78,9), Thái Nguyên (ARS=70,5); thấp hơn Hà Nội (ARS=146,9), Cần Thơ (ARS=128,1), TP Hồ Chí Minh (ARS=113,9).

Tần suất xuất hiện ung thư tăng tỷ lệ thuận với độ tuổi ở cả hai giới, tuy nhiên đối với nam giới có một số đột biến, đối với ung thư gan thì tần suất mắc cao nhất ở độ tuổi 60-64 sau đó giảm dần, với ung thư phế quản phổi thì tần suất này giảm đi ở độ tuổi 65-69 sau đó tăng vọt trở lại, cả ung thư gan và dạ dày đã xuất hiện và tăng cao khá sớm ở độ tuổi 35-40. ở phụ nữ thì ung thư phế quản phổi đạt đỉnh ở độ tuổi 70-74 sau đó giảm dần.

Ung thư cổ tử cung vốn là ung thư đứng đầu trong các loại ung thư của nữ giới trong các nghiên cứu trước đây, tuy nhiên từ sau những năm 2000, ung thư vú luôn chiếm vị trí đầu tiên ở các GNUT trong cả nước, điều này cho thấy phần nào hiệu quả của công tác khám sàng lọc phát hiện sớm ung thư cổ tử cung cũng như việc tiêm phòng HPV. Ở ghi nhận của chúng tôi ung thư vú, cổ tử cung cũng như buồng trứng đều tăng dần theo tuổi và có tỷ lệ mắc cao từ 45-60 tuổi sau đó giảm dần, số liệu này cũng tương tự các ghi nhận tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Ung thư buồng trứng cũng là loại ung thư nữ thường gặp và có tỷ lệ mắc mới được ghi nhận hàng năm khá cao và xuất hiện khá sớm và tăng gấp 2 lần so với ghi nhận giai đoạn 2001-2004 (1,8)

KẾT QUẢ

Trong giai đoạn 5 năm từ 2005-2009, số ca ung thư mới mắc ghi nhận được tại TTH là 4.654 ca. Tỷ lệ mắc thô ở nam giới là 86,4, mắc chuẩn theo tuổi là 122,6. Tỷ lệ mắc thô ở nữ giới là 70,9, tỷ lệ mắc chuẩn theo tuổi là 77,4.

Tỷ lệ mắc ung thư ở thành thị cao hơn nông thôn, đồng bằng cao hơn miền núi.

Tỷ lệ ung thư tăng dần theo tuổi ở cả hai giới và nam tăng hơn nữ, bắt đầu tăng cao ở độ tuổi 40-44.

Các loại ung thư thường gặp ở nam giới là: ung thư gan, dạ dày, phế quản phổi

Các loại ung thư thường gặp ở nữ giới là: vú, dạ dày, phế quản phổi, cổ tử cung. Riêng ung thư tuyến giáp giảm so với các ghi nhận trước đây.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hoàng Anh, Nguyễn Hoài Nga, Trần Hồng Trường, Trịnh Thị Hoa, Chu Hoàng Hạnh, Bùi Hải Đường (2002), "Tình hình bệnh ung thư ở Hà Nội giai đoạn 1996-1999", Tạp chí y học thực hành số 431, 04-11.

2. Bảng phân loại quốc tế bệnh tật ICD-10 (2001), Bộ Y tế, Nhà xuất bản y học, Hà Nội – 2001.

3. Nguyễn Bá Đức, Nguyễn Chấn Hùng (2002), "Công tác phòng chống ung thư ở Việt Nam và vai trò của Ghi nhận ung thư trong công tác phòng chống ung thư", Tài liệu tập huấn Ghi nhận ung thư – Huế 2-4 tháng 5 năm 2002, 01-15.

4. Nguyễn Bá Đức, Bùi Diệu, Trần Văn Thuận và CS (2010), "Tình hình mắc ung thư tại Việt Nam 2010 qua số liệu của 6 vùng ghi nhận giai đoạn 2004-2008". Tạp chí Ung thư học Việt Nam, Hội Phòng Chống Ung thư Việt Nam, 73-80

5. Nguyễn Tuấn Hưng (2008), Đặc điểm dịch tễ học mô tả ung thư cộng đồng dân cư khu vực Hà Nội giai đoạn 2001-2005", Luận án tiến sĩ y học, Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương.

6. Kết quả dự báo dân số cho cả nước, các vùng địa lý – kinh tế và 61 tỉnh/thành phố Việt Nam (2001), 1999-2004. Tổng cục thống kê, dự án VIE/97/P14. Nhà xuất bản thống kê.